

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 33

228-C
G TY
EM HỮU H
VÀ ĐỊNH
T NAM
Y - TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch
Ông Dương Như Đức	Thành viên
Ông Phạm Hồng Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Hà Huy San	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Việt Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Giám đốc

Ông Phùng Quang Trung	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/12/2025)
Ông Dương Như Đức	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/12/2025)
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH



Phùng Quang Trung

Giám đốc

Ninh Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2026

Số : 2602.04 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2026, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6259-2023-034-1



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	Đơn vị tính: VND
				01/01/2025 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		398.476.658.985	345.111.146.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	78.964.867.833	89.566.413.589
1. Tiền	111		8.964.867.833	20.066.413.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	69.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.771.472.530	59.564.369.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	42.987.740.928	59.834.995.151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	962.396.930	776.813.789
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	4.050.584.022	1.181.810.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(2.229.249.350)	(2.229.249.350)
IV. Hàng tồn kho	140		253.387.033.849	195.903.180.312
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	253.387.033.849	195.903.180.312
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.353.284.773	77.182.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	151.554.173	49.840.150
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.065.828.492	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	135.902.108	27.342.450
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.319.633.402	8.348.416.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	12.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	-	12.000.000
II. Tài sản cố định	220		13.030.561.269	7.631.765.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	13.021.547.571	7.564.509.966
- Nguyên giá	222		96.493.971.053	88.524.219.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.472.423.482)	(80.959.709.792)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	9.013.698	67.255.707
- Nguyên giá	228		325.000.000	325.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(315.986.302)	(257.744.293)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		232.200.000	232.200.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	232.200.000	232.200.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.056.872.133	472.451.270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	1.056.872.133	472.451.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		412.796.292.387	353.459.563.346

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		84.800.336.584	128.128.366.339
I. Nợ ngắn hạn	310		84.800.336.584	128.128.366.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	24.916.368.349	16.287.012.483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	2.233.264.810	77.998.924.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	9.729.985.158	3.611.834.889
4. Phải trả người lao động	314		37.589.768.553	25.709.265.058
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	5.551.715.350	3.652.290.148
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	2.159.422.375	315.832.950
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.619.811.989	553.205.932
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.995.955.803	225.331.197.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	327.995.955.803	225.331.197.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		157.312.600.000	157.312.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.312.600.000	157.312.600.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		881.911.314	881.911.314
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.041.208.211	17.567.948.154
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.760.236.278	49.568.737.539
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.965.297.425	1.189.466.464
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		138.794.938.853	48.379.271.075
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		412.796.292.387	353.459.563.346

Ninh Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuần

Phùng Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNHĐịa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.240.779.848.887	914.853.215.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.3.	444.129.714	472.184.250
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.240.335.719.173	914.381.030.925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	910.528.829.384	762.002.787.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		329.806.889.789	152.378.243.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	7.691.653.885	1.452.604.936
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	4.297.164.437	3.660.892.233
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	108.341.343
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9.	105.703.076.249	59.499.920.135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	54.084.313.187	34.930.769.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		173.413.989.801	55.739.266.378
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	1.521	4.739.549.652
12. Chi phí khác	32	VI.8.	284	16.701.164
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1.237	4.722.848.488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		173.413.991.038	60.462.114.866
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11.	34.619.052.185	12.082.843.791
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		138.794.938.853	48.379.271.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12.	8.822,87	2.778,65

Ninh Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Người lập biểu

Lưu Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Thuận

Giám đốc



Phùng Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		173.413.991.038	60.462.114.866
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.313.812.223	3.235.792.309
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		47.458	(46.424)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.627.494.170)	(1.399.178.917)
Chi phí lãi vay	06		-	108.341.343
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		169.100.356.549	62.407.023.177
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.202.774.948	46.602.124.385
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(57.483.853.537)	(30.087.591.616)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(51.957.785.941)	73.860.160.759
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(686.134.886)	(105.125.463)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(155.317.803)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.055.902.056)	(10.484.894.030)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.621.054.000)	(2.830.642.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.518.401.077	139.205.737.039
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.712.607.819)	(3.694.421.450)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.055.228.444	1.243.932.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.657.379.375)	(2.450.489.108)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(32.432.860.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.462.520.000)	(25.170.016.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.462.520.000)	(57.602.876.000)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		(10.601.498.298)	79.152.371.931
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		89.566.413.589	10.413.995.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.458)	46.424
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	V.1.	78.964.867.833	89.566.413.589

Ninh Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Người lập biểu

Lưu Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Thuận

Giám đốc



Phùng Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Phân lân Ninh Bình, được thành lập năm 1977. Từ ngày 01/01/2005, Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, trong đó, cổ đông Nhà nước là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 24/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là **157.312.600.000 VND** (Một trăm năm mươi bảy tỷ, ba trăm mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là NFC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Hoạt động sản xuất máy chuyên dụng khác; Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tạo thiết bị máy sản xuất phân lân nung chảy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; Chi tiết: xuất, nhập khẩu các loại phân bón;
- Bán buôn chuyên doanh khác; Chi tiết: buôn bán các loại phân bón.

Trụ sở Công ty tại: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm nay tăng đáng kể so với năm trước là do các nguyên nhân đến từ nỗ lực của Công ty cũng như tác động bởi các yếu tố bên ngoài như thị trường và lợi thế từ chính sách của Nhà nước. Năm nay Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường dẫn đến doanh số tăng, đồng thời gặp thuận lợi do giá cả thị trường phân bón tăng. Các yếu tố chi phí đầu vào giảm đi do Công ty có chính sách khuyến khích người lao động tìm tòi, sáng kiến trong quá trình sản xuất từ đó tiết kiệm nguyên vật liệu và tận dụng phế liệu để tái sản xuất. Ngoài ra, với việc thay đổi chính sách thuế Giá trị gia tăng của Nhà nước chuyển mặt hàng phân bón từ không chịu thuế giá trị gia tăng thành chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 5% theo đó phần thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty sẽ được khấu trừ mà không bị tính vào giá thành, khi giá thành sản xuất giảm thì giá bán sẽ cạnh tranh hơn với phân bón nhập khẩu.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân là Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình, địa chỉ tại số 267/5 đường Trịnh Đình Trọng, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng đại diện có hoạt động chính là xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm cho thị trường phía Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

8. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 339 người (Tại ngày 31/12/2024 là 306 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý, quản trị doanh nghiệp và trang thông tin điện tử của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí liên quan đến các chương trình, phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình, phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Chương trình, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán như: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuốc chữa bệnh, chi phí vận chuyển hàng gửi bán và các chi phí khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuốc chữa bệnh, bảo trì phần mềm kế toán: Chi phí trả trước cho nhiều kỳ, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trả trước.

Chi phí vận chuyển hàng gửi bán: Chi phí vận chuyển hàng gửi bán đến kho gửi bán, được phân bổ vào chi phí khi ghi nhận doanh thu của hàng gửi bán.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí thường đại lý, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí thường sáng kiến và các chi phí phải trả khác. Các khoản chi phí vận chuyển và các khoản chi phí phải trả khác là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí thường đại lý, chi phí thường sáng kiến là những chi phí chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chiết khấu thanh toán và chênh lệch tỷ giá.

15. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm phân bón và chủ yếu được phân phối trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	8.964.867.833	20.066.413.589
Tiền mặt	642.781.502	483.967.787
Tiền gửi ngân hàng	8.322.086.331	19.582.445.802

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	69.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng (*)	70.000.000.000	69.500.000.000
Cộng	78.964.867.833	89.566.413.589

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, lãi suất từ 4,4 - 4,75%/năm. Lãi trả cuối kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - CN Ninh Bình (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm. Lãi trả cuối kỳ.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	10.942.880.310	-	6.089.386.800	-
Công ty CP Tổng Công ty KC Hà Tĩnh - Chi nhánh Miền Trung	8.457.463.829	-	3.058.983.750	-
Công ty TNHH Đáp Thành	11.180.087.500	-	9.652.030.000	-
Chi nhánh Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc Vinacomin - Công ty Kinh doanh than Ninh Bình	-	-	3.960.510.079	-
Các đối tượng khác	12.407.309.289	(2.229.249.350)	37.074.084.522	(2.229.249.350)
Cộng	42.987.740.928	(2.229.249.350)	59.834.995.151	(2.229.249.350)

4. Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV SX vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Đức Thái Nguyên 4	223.724.160	-	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Đại Phúc	-	-	360.352.500	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	525.505.170	-	151.616.589	-
Các đối tượng khác	213.167.600	-	264.844.700	-
Cộng	962.396.930	-	776.813.789	-

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.050.584.022	-	1.181.810.312	-
Ký cược, ký quỹ	26.000.000	-	-	-
Phải thu khác	4.024.584.022	-	1.181.810.312	-
Phải thu người lao động về BHXH	1.165.143.000	-	432.033.000	-
Phải thu thuế TNCN của người lao động	2.095.712.000	-	458.158.600	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	727.512.301	-	155.246.575	-
Các đối tượng khác	36.216.721	-	136.372.137	-
b) Dài hạn	-	-	12.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	12.000.000	-
Cộng	4.050.584.022	-	1.193.810.312	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi.				
Phải thu khách hàng				
Hội nông dân huyện Nho Quan	1.004.229.350	-	1.004.229.350	-
Hội nông dân thị trấn Nho Quan	599.190.000	-	599.190.000	-
Hội nông dân xã Văn Phong - huyện Nho Quan	260.705.000	-	260.705.000	-
Hội nông dân xã Đức Long - huyện Nho Quan	365.125.000	-	365.125.000	-
Cộng	2.229.249.350	-	2.229.249.350	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
			(Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.421.431.577	-	42.554.595.233	-
Công cụ, dụng cụ	710.358.634	-	559.925.880	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.746.962.917	-	1.214.099.567	-
Thành phẩm	118.024.865.658	-	28.797.802.636	-
Hàng hóa	-	-	330.206.577	-
Hàng gửi bán	483.415.063	-	122.446.550.419	-
Cộng	253.387.033.849	-	195.903.180.312	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	151.554.173	49.840.150
Chi phí thuốc chữa bệnh	26.004.700	32.340.150
Bảo trì phần mềm kế toán	-	17.500.000
Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	125.549.473	-
b) Dài hạn	1.056.872.133	472.451.270
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.046.802.245	456.888.714
Các khoản khác	10.069.888	15.562.556
Cộng	1.208.426.306	522.291.420

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình, phần mềm	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2025	325.000.000	325.000.000
Số dư ngày 31/12/2025	325.000.000	325.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2025	257.744.293	257.744.293
Khấu hao trong năm	58.242.009	58.242.009
Số dư ngày 31/12/2025	315.986.302	315.986.302
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	67.255.707	67.255.707
Tại ngày 31/12/2025	9.013.698	9.013.698

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 290.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 90.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

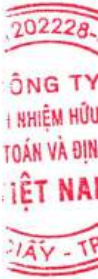
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025 (trình bày lại)	26.408.654.973	41.296.399.101	16.713.839.614	4.105.326.070	88.524.219.758	
Mua trong năm	-	3.191.206.400	5.019.963.875	501.437.544	8.712.607.819	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(742.856.524)	-	(742.856.524)	
Số dư ngày 31/12/2025	26.408.654.973	44.487.605.501	20.990.946.965	4.606.763.614	96.493.971.053	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2025 (trình bày lại)	26.345.050.863	37.168.172.252	14.121.944.635	3.324.542.042	80.959.709.792	
Khấu hao trong năm	11.550.000	2.382.021.216	610.897.565	251.101.433	3.255.570.214	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(742.856.524)	-	(742.856.524)	
Số dư ngày 31/12/2025	26.356.600.863	39.550.193.468	13.989.985.676	3.575.643.475	83.472.423.482	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025 (trình bày lại)	63.604.110	4.128.226.849	2.591.894.979	780.784.028	7.564.509.966	
Tại ngày 31/12/2025	52.054.110	4.937.412.033	7.000.961.289	1.031.120.139	13.021.547.571	

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 79.843.735.463 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 68.014.280.951 VND)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2025	01/01/2025
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
Hệ thống phòng cháy chữa cháy (*)	232.200.000	232.200.000
Cộng	232.200.000	232.200.000

(*) Dự án đầu tư "Hệ thống phòng cháy chữa cháy" được thực hiện theo quyết định số 1544/QĐ-HĐQT ngày 09/10/2025 với tổng mức đầu tư là 3,907 tỷ VND bằng vốn tự có. Dự án đầu tư trang bị, thiết bị hệ thống phòng cháy chữa cháy kho tại các nhà kho số 02, số 03, số 04. Tính đến ngày 31/12/2025, Dự án vẫn đang trong quá trình khảo sát thiết kế xây dựng công trình.

12. Phải trả người bán

Phải trả người bán	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Bao bì PP	1.932.653.721	1.932.653.721	3.181.627.322	3.181.627.322
Công ty TNHH Thương mại vận tải dịch vụ Minh Hiếu	4.023.432.135	4.023.432.135	409.389.117	409.389.117
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	6.882.857.639	6.882.857.639	191.996.292	191.996.292
Công ty TNHH Logistics Long Bình	931.309.430	931.309.430	2.282.774.042	2.282.774.042
Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Điện Lộc Phát	3.122.232.000	3.122.232.000	-	-
Các đối tượng khác	8.023.883.424	8.023.883.424	10.221.225.710	10.221.225.710
Cộng	24.916.368.349	24.916.368.349	16.287.012.483	16.287.012.483

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ 579	581.129.000	1.795.810.000
Công ty TNHH Thương mại Dương Phú Gia	-	8.134.353.500
Công ty CP Xuất nhập khẩu hóa chất miền Nam	-	27.631.586.302
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Lê Tuấn	26.189.232	20.425.910.493
Công ty TNHH Nông nghiệp xanh HTB 27	340.605.000	-
Các đối tượng khác	1.285.341.578	20.011.264.584
Cộng	2.233.264.810	77.998.924.879

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	409.602.127	799.834.861	1.209.436.988	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	342.177.758	342.177.758	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.079.614.093	34.619.052.185	28.055.902.056	9.642.764.222
Thuế thu nhập cá nhân	122.618.669	2.786.066.652	2.823.978.488	84.706.833
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	563.051.577	563.051.577	-
Các loại thuế khác	-	97.002.648	94.488.545	2.514.103
Cộng	3.611.834.889	39.207.185.681	33.089.035.412	9.729.985.158
b) Phải thu				
Thuế tài nguyên	27.342.450	18.395.580	-	8.946.870
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	126.955.238	-	126.955.238
Cộng	27.342.450	145.350.818	-	135.902.108

15. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Thưởng đại lý	1.158.620.400	1.637.398.000
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	-	211.366.800
Thưởng sáng kiến	4.296.934.950	1.580.782.348
Chi phí quảng cáo	12.960.000	162.543.000
Các khoản khác	83.200.000	60.200.000
Cộng	5.551.715.350	3.652.290.148

16. Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	818.503.960	172.038.300
Dư có 1388	916.044.775	54.918.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.873.640	88.876.150
Cộng	2.159.422.375	315.832.950

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (trình bày lại)	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	157.312.600.000	881.911.314	14.753.833.463	32.174.983.646	205.123.328.423
Lãi trong năm trước	-	-	-	48.379.271.075	48.379.271.075
Phân phối các quỹ	-	-	2.814.114.691	(5.815.501.182)	(3.001.386.491)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(25.170.016.000)	(25.170.016.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	157.312.600.000	881.911.314	17.567.948.154	49.568.737.539	225.331.197.007
Lãi trong năm nay	-	-	-	138.794.938.853	138.794.938.853
Phân phối các quỹ (*)	-	-	4.473.260.057	(9.140.920.114)	(4.667.660.057)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(31.462.520.000)	(31.462.520.000)
Số dư ngày 31/12/2025	157.312.600.000	881.911.314	22.041.208.211	147.760.236.278	327.995.955.803

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 582/NQ-ĐHĐCD ngày 24/4/2025.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	80.234.280.000	80.234.280.000
Ông Phạm Mạnh Ninh	15.731.550.000	15.731.550.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân (*)	24.902.260.000	17.023.260.000
Vốn góp của các cổ đông khác	36.444.510.000	44.323.510.000
Cộng	157.312.600.000	157.312.600.000

(*) Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu ngày 29/11/2025 của Công ty TNHH Hoàng Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	157.312.600.000	157.312.600.000
Vốn góp cuối năm	157.312.600.000	157.312.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.462.520.000	25.170.016.000

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.731.260	15.731.260
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.731.260	15.731.260
- Cổ phiếu phổ thông	15.731.260	15.731.260
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.731.260	15.731.260
- Cổ phiếu phổ thông	15.731.260	15.731.260
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	499,55	618,99

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Danh thu bán thành phẩm	1.236.794.333.405	910.988.570.467
Doanh thu bán hàng hoá	41.714.286	3.864.644.708
Doanh thu bán phế liệu	3.943.801.196	-
Cộng	1.240.779.848.887	914.853.215.175

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	444.129.714	472.184.250
Cộng	444.129.714	472.184.250

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Danh thu thuần bán thành phẩm	1.236.350.203.691	910.516.386.217
Doanh thu thuần bán hàng hoá	41.714.286	3.864.644.708
Doanh thu thuần bán phế liệu	3.943.801.196	-
Cộng	1.240.335.719.173	914.381.030.925

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	910.488.241.615	756.331.797.461
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.587.769	5.670.990.155
Cộng	910.528.829.384	762.002.787.616

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.627.494.170	1.399.178.917
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	64.159.715	53.379.595
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	46.424
Cộng	7.691.653.885	1.452.604.936

6. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	108.341.343
Chiết khấu thanh toán	4.286.965.750	3.523.406.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.151.229	29.144.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	47.458	-
Cộng	4.297.164.437	3.660.892.233

7. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ bán bột than thu hồi	-	3.877.209.809
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi	-	409.890.365
Thu nhập từ bán vỏ bao thu hồi	-	203.048.160
Thu nhập khác	1.521	249.401.318
Cộng	1.521	4.739.549.652

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt và chậm nộp vi phạm hành chính về thuế	-	16.698.164
Chi phí khác	284	3.000
Cộng	284	16.701.164

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	105.703.076.249	59.499.920.135
Chi phí nhân viên	9.693.884.757	5.710.897.693
Chi phí vật liệu, bao bì	-	11.529.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.479.915.672	48.555.353.232
Chi phí bằng tiền khác	6.529.275.820	5.222.139.718
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	54.084.313.187	34.930.769.499
Chi phí nhân viên quản lý	30.674.299.505	19.646.985.003
Chi phí vật liệu quản lý	2.972.664.270	1.694.428.999
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.413.433.086	835.738.984
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	308.047.905	466.324.184
Thuế, phí và lệ phí	(311.998.979)	976.465.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.727.230.980	2.187.507.859
Chi phí bằng tiền khác	16.300.636.420	9.123.319.246

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	848.110.928.139	722.601.893.867
Chi phí nhân công	139.199.399.249	86.992.451.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.313.812.223	3.235.792.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.067.869.354	53.500.686.690
Chi phí khác bằng tiền	30.299.136.628	21.769.514.474
Cộng	1.116.991.145.593	888.100.338.364

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	173.413.991.038	60.462.114.866
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.318.667.888	1.714.096.164
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác	1.637.398.000	1.959.713.874
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	173.095.260.926	60.216.497.156
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	34.619.052.185	12.043.299.431
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	39.544.360
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.619.052.185	12.082.843.791

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	138.794.938.853	48.379.271.075
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(4.667.660.057)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(4.667.660.057)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(4.667.660.057)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	138.794.938.853	43.711.611.018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.731.260	15.731.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	8.822,87	2.778,65

(*) Năm 2025, lợi nhuận dùng để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 582/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 và ảnh hưởng do các bút toán điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 14/10/2025, cụ thể như sau:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	44.732.600.565	3.646.670.510	48.379.271.075
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(4.667.660.057)	(4.667.660.057)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(4.667.660.057)	(4.667.660.057)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.667.660.057)	(4.667.660.057)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.732.600.565	(1.020.989.547)	43.711.611.018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.731.260	-	15.731.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.843,55	(64,90)	2.778,65

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	32.432.860.000
Cộng	-	32.432.860.000

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), (tổng diện tích thuê 2.527 m², thời hạn thuê đến năm 2047; tổng diện tích thuê 113.324,5 m², thời hạn thuê đến năm 2045; tổng diện tích thuê 4.149 m², thời hạn thuê đến năm 2048); tại xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), (tổng diện tích thuê 17.419,4 m², thời hạn thuê đến năm 2045), để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh, đất sản xuất phi nông nghiệp. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu, phường Nam Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển
Công ty TNHH Hoàng Ngân
Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam
Công ty CP Xà phòng Hà Nội
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người
quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành
viên này

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Ảnh hưởng đáng kể

***) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng	178.837.252.939	127.603.083.472
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	178.199.289.939	127.204.941.472
Công ty CP Xà phòng Hà Nội	102.235.000	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	498.360.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	-	325.080.000
Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam	37.368.000	73.062.000
Bán hàng	286.116.050.619	183.356.968.300
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	175.625.870.620	87.133.659.500
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	-	96.223.308.800
Công ty TNHH Hoàng Ngân	110.490.179.999	-
Chi trả cổ tức	19.851.508.000	15.560.246.400
Công ty TNHH Hoàng Ngân	3.804.652.000	2.722.761.600
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	16.046.856.000	12.837.484.800
*) Số dư với các bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND

Người mua trả tiền trước

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam - 27.631.586.302

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả người bán

Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	6.882.857.639	191.996.292
----------------------------------	---------------	-------------

Phải trả khác

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	309.589.040	-
--	-------------	---

***) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	5.649.780.000	3.408.474.000
Cộng	5.649.780.000	3.408.474.000

Chi tiết từng thành viên như sau:

Thu nhập Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh		
Ông Phùng Quang Trung	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/12/2025)	36.000.000	-
Ông Dương Như Đức	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/12/2025)	1.193.121.000	668.778.000
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc	1.043.822.000	599.330.000

Thu nhập của HĐQT và các thành viên quản lý khác

Họ và tên	Chức danh		
Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT	1.189.070.000	657.457.000
Ông Hà Huy Sơn	Thành viên HĐQT	194.762.000	396.611.000
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	95.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Minh Việt Hưng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	60.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thuận	Kế toán trưởng kiêm người được ủy quyền Công bố thông tin	858.131.000	466.926.000
Bà Hoàng Thị Tiếp	Trưởng ban kiểm soát	326.161.000	168.492.000
Bà Tạ Thị Kim Chúc	Thành viên ban kiểm soát	570.713.000	342.880.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên ban kiểm soát	83.000.000	48.000.000
Tổng cộng		5.649.780.000	3.408.474.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Ngoài ra, một số số liệu so sánh của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 14/10/2025 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót", các thông tin điều chỉnh cụ thể như sau:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.1 Số liệu trước điều chỉnh hồi tố và sau điều chỉnh hồi tố**a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2024			
	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Hàng tồn kho	141	192.103.180.312	3.800.000.000	195.903.180.312
Tài sản cố định hữu hình	221	7.038.371.829	526.138.137	7.564.509.966
- Nguyên giá	222	87.990.279.758	533.940.000	88.524.219.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(80.951.907.929)	(7.801.863)	(80.959.709.792)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	232.200.000	232.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.700.167.262	911.667.627	3.611.834.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	45.922.067.029	3.646.670.510	49.568.737.539

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024			
	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	762.761.125.753	(758.338.137)	762.002.787.616
Chi phí bán hàng	25	63.299.920.135	(3.800.000.000)	59.499.920.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.171.176.164	911.667.627	12.082.843.791
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	44.732.600.565	3.646.670.510	48.379.271.075
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.843,55	(64,90)	2.778,65

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024			
	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	01	55.903.776.729	4.558.338.137	60.462.114.866
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.227.990.446	7.801.863	3.235.792.309
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.287.591.616)	(3.800.000.000)	(30.087.591.616)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.928.281.450)	(766.140.000)	(3.694.421.450)

4.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố**Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024**

Chỉ tiêu "Hàng tồn kho" tăng 3.800.000.000 đồng do Công ty chưa phân bổ chi phí vận chuyển cho lượng tồn kho cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" tăng 533.940.000 đồng do chi phí sửa chữa nâng cấp thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền về viên sản xuất NPK đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định nhưng Công ty đang ghi nhận vào chi phí trong năm và hao mòn lũy kế tương ứng tăng 7.801.863 đồng.

Chi tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tăng 232.200.000 đồng do Chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình cải tạo sửa chữa nhà kho đủ điều kiện ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng Công ty đang ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tăng 911.667.627 đồng do chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).

Chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối", tăng 3.646.670.510 đồng do ảnh hưởng của các khoản điều chỉnh nêu trên.

Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Chi tiêu "Giá vốn hàng bán" giảm 758.338.137 đồng bao gồm: giảm 533.940.000 đồng do ghi nhận chi phí sửa chữa nâng cấp thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền về viên đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định; giảm 232.200.000 đồng do ghi nhận chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình cải tạo sửa chữa nhà kho đủ điều kiện ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang; tăng 7.801.863 đồng chi phí khấu hao tương ứng với TSCĐ là Hệ thống đóng bao sản phẩm.

Chi tiêu "Chi phí bán hàng" giảm 3.800.000.000 đồng do chưa phân bổ chi phí vận chuyển hàng bán cho lượng tồn kho cuối năm.

Chi tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" tăng 911.667.627 đồng do chi phí thay đổi.

Chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế TNDN" tăng 3.646.670.510 đồng do ảnh hưởng của các điều chỉnh nêu trên.

Chi tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" thay đổi do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

Ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024

Chi tiêu "Lợi nhuận trước thuế" tăng 4.558.338.137 đồng do "Giá vốn hàng bán" giảm 758.338.137 đồng; "Chi phí bán hàng" giảm 3.800.000.000 đồng.

Chi tiêu "Tăng giảm khấu hao TSCĐ" tăng 7.801.863 đồng do tính bổ sung khấu hao của hệ thống đóng bao sản phẩm đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định.

Chi tiêu "Tăng, giảm hàng tồn kho" giảm 3.800.000.000 đồng do điều chỉnh phân bổ chi phí vận chuyển cho lượng tồn kho cuối năm.

Chi tiêu "Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" giảm 766.140.000 đồng do điều chỉnh tăng nguyên giá hệ thống đóng bao sản phẩm đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và chi phí tư vấn khảo sát thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy đủ điều kiện ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Ninh Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuận

Phùng Quang Trung